

Bản án số: 83/2022/KDTM-ST
Ngày 29-9-2022
V/v tranh chấp hợp đồng xây dựng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Hoàng Thế Viễn

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Văn Soan

bà Nguyễn Thị Huệ

- Thư ký phiên tòa: ông Phan Gia Hưng - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa: bà Đinh Hương Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 29/9/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 45/2021/TLST-KDTM ngày 05 tháng 8 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng xây dựng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 371/2022/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 307/2022/QĐST-DS ngày 06 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH sản xuất chế tạo cơ khí xây dựng thương mại dịch vụ V, địa chỉ: ấp T, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh; Người đại diện hợp pháp: ông Quản Đức N (tên khác Quản Thanh T) là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 12/3/2018); địa chỉ: khu phố B, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

Bị đơn: Công ty TNHH cơ khí xây dựng T; Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Anh T, sinh năm 1968, chức danh: Giám đốc; địa chỉ: Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 12/3/2018, các biên bản làm việc tại Tòa án, nguyên đơn và người đại diện hợp pháp trình bày:

Nguyên đơn và bị đơn có ký kết 03 hợp đồng xây dựng, cụ thể:

- Ngày 12/7/2013, ký kết hợp đồng xây dựng số 14/HĐXD 2013/TT-VH, với nội dung: nguyên đơn sản xuất, chế tạo, lắp ráp cột kèo dầm thép và xây dựng mới tại địa chỉ 135 Hai Bà Trưng, phường Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ

Chí Minh. Tổng giá trị hợp đồng là 3.720.000.000 đồng, thời gian thi công 120 ngày. Nguyên đơn đã hoàn thành công trình, nhưng bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Để yêu cầu bị đơn thanh toán tiền thi công, nguyên đơn đã gửi văn bản yêu cầu trả nợ ngày 02/7/2014. Tuy nhiên đến ngày xét xử vụ án, bị đơn chưa thanh toán toàn bộ giá trị hợp đồng cho nguyên đơn.

- Ngày 14/8/2013, ký kết hợp đồng xây dựng số 10/HĐXD 2013/VH-TT, với nội dung: nguyên đơn sản xuất, chế tạo, lắp ráp cột kèo dầm thép tại công trình Peper Lunch – 254 Điện Biên Phủ. Tổng giá trị hợp đồng là 742.500.000 đồng, thời gian thi công 21 ngày. Nguyên đơn đã hoàn thành công trình, nhưng bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Do vậy, nguyên đơn đã nhiều lần trực tiếp (không lập thành văn bản) yêu cầu thanh toán tiền thi công, nhưng bị đơn không thực hiện.

- Ngày 16/8/2013, ký kết hợp đồng xây dựng số 09/HĐXD 2013/ VH-TT, với nội dung: nguyên đơn xây dựng, lắp ráp bản hiệu và cầu thang sắt tại công trình NYDC –số 09-11-03 Nguyễn Trãi, phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Tổng giá trị hợp đồng là 220.000.000 đồng, thời gian thi công 16 ngày. Nguyên đơn đã hoàn thành công trình, nhưng bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Do vậy, nguyên đơn đã nhiều lần trực tiếp (không lập thành văn bản) yêu cầu thanh toán tiền thi công, nhưng bị đơn không thực hiện.

Như vậy, tổng số nợ phát sinh từ 3 hợp đồng nêu trên là 4.682.000.000 đồng. Do vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên bị đơn phải chịu phạt tiền lãi là:

$4.682.000.000 \text{ đồng} \times 1\%/\text{tháng} \times 52 \text{ tháng} = 2.439.000.000 \text{ đồng}.$

Để bảo vệ quyền lợi, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền nợ gốc và lãi là 7.120.150.000 đồng làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm trong các ngày 12/11/2020 và ngày 17/11/2020, đại diện nguyên đơn trình bày: nguyên đơn xác nhận có nhận được bản Báo cáo kiểm định chất lượng công trình xây dựng số 339/BCKĐ-14 ngày 31/7/2014 về việc kiểm định chất lượng và khối lượng kết cấu thép đã xây dựng tại công trình Hội trường hai – địa chỉ 135 Hai Bà Trưng, phường Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Nguyên đơn thừa nhận nội dung của bản kiểm định, các nội dung chưa hoàn thành được nêu là do nguyên đơn muốn gây áp lực để bị đơn thanh toán tiền thi công. Nguyên đơn đã thi công hoàn thành tất cả các nội dung được nêu trong Báo cáo kiểm định.

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền lãi như sau:

Đối với hợp đồng số 14: $3.720.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/\text{năm} \times 84 \text{ tháng} \text{ (từ 12/11/2013 đến 12/11/2020)} = 5.208.000.000 \text{ đồng}.$

Đối với hợp đồng số 10: $742.500.000 \text{ đồng} \times 20\%/\text{năm} \times 90 \text{ tháng} \text{ (từ 6/9/2013 đến 12/11/2020)} = 1.113.750.000 \text{ đồng}.$

Đối với hợp đồng số 09: $220.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/\text{năm} \times 90 \text{ tháng} \text{ (từ 3/9/2013 đến 12/11/2020)} = 330.000.000 \text{ đồng}.$

Tổng cộng tiền nợ vốn và lãi là: 11.334.250.000 đồng.

Bản án số: 77/2020/KDTM-ST ngày 17/11/2020 Tòa án nhân dân quận Gò Vấp đã tuyên:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn Công ty TNHH sản xuất chế tạo cơ khí xây dựng thương mại dịch vụ V: Buộc bị đơn Công ty TNHH cơ khí xây dựng T phải thanh toán tiền thi công và lãi chậm thanh toán phát sinh từ hợp đồng số 14/HĐXD 2013/TT-VH ngày 12/7/2013 là 8.308.000.000 đồng (tám tỷ ba trăm lẻ tám triệu đồng).

2. Không chấp yêu cầu của nguyên đơn Công ty TNHH sản xuất chế tạo cơ khí xây dựng thương mại dịch vụ V về việc yêu cầu Công ty TNHH cơ khí xây dựng T thanh toán tiền thi công và tiền lãi chậm thanh toán là 3.026.000.000 đồng (ba tỷ không trăm hai mươi sáu triệu đồng) phát sinh từ hợp đồng xây dựng số 10/HĐXD 2013/ VH-TT ngày 14/8/2013 và hợp đồng xây dựng số 9/HĐXD 2013/TT-VH ngày 16/8/2013.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

- Công ty TNHH cơ khí xây dựng T phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 116.308.000 đồng (một trăm mười sáu triệu ba trăm lẻ tám nghìn đồng).

- Công ty TNHH sản xuất chế tạo cơ khí xây dựng thương mại dịch vụ V phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 92.520.000 đồng (Chín mươi hai triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 57.560.075 đồng (năm mươi bảy triệu năm trăm sáu mươi nghìn không trăm bảy mươi lăm đồng) theo biên lai thu số 0029024 ngày 20/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp. Công ty TNHH sản xuất chế tạo cơ khí xây dựng thương mại dịch vụ V còn phải nộp 34.959.925 đồng (ba mươi bốn triệu chín trăm năm mươi chín nghìn chín trăm hai mươi lăm đồng)

Bị đơn đã kháng cáo Bản án sơ thẩm nêu trên, tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn vì cho rằng giá trị số tiền phải trả cho nguyên đơn theo Hợp đồng số 14 chỉ còn 847.623.106 đồng và bị đơn đã ứng trước cho nguyên đơn số tiền 1.000.700.000 đồng, như vậy là bị đơn đã thanh toán đủ tiền thi công cho nguyên đơn, bị đơn còn cho rằng nguyên đơn chưa khắc phục các sai sót theo Báo cáo kiểm định chất lượng.

Bản án số: 413/2021/KDTM-PT ngày 28/4/2021, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên:

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH cơ khí xây dựng T.

2. Hủy một phần bản án sơ thẩm số 77/2020/KDTM-ST ngày 17/11/2020 của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, giữa: Công ty TNHH sản xuất chế tạo cơ khí xây dựng thương mại dịch vụ V và bị đơn Công

ty TNHH cơ khí xây dựng T về yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH sản xuất chế tạo cơ khí xây dựng thương mại dịch vụ V buộc Công ty TNHH cơ khí xây dựng T thanh toán cho Công ty TNHH sản xuất chế tạo cơ khí xây dựng thương mại dịch vụ V tiền nợ gốc và lãi là 8.308.000.000 đồng của Hợp đồng số 14/HĐXD 2013/TT-VH ngày 12/7/2013.

3. Những phần khác trong Quyết định của bản án sơ thẩm số 77/2020/KDTM-ST ngày 17/11/2020 của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh có hiệu lực pháp luật thi hành.

4. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết theo thủ tục chung.

5. Án phí sơ thẩm về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc Công ty TNHH cơ khí xây dựng T thanh toán cho Công ty TNHH sản xuất chế tạo cơ khí xây dựng thương mại dịch vụ V tiền nợ gốc và lãi là 8.308.000.000 đồng của Hợp đồng số 14/HĐXD 2013/TT-VH ngày 12/7/2013 sẽ được giải quyết lại.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Sau khi nhận được hồ sơ vụ án do cấp phúc thẩm chuyển về để giải quyết lại đối với phần bị hủy của bản án sơ thẩm số: 77/2020/KDTM-ST ngày 17/11/2020 của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, Tòa án đã triệu tập các đương sự tới Tòa án để giải quyết vụ án, nhưng chỉ có người đại diện hợp pháp của nguyên đơn tới Tòa án tại các lần triệu tập, còn phía bị đơn không tới Tòa án mặc dù đã được triệu tập hợp lệ. Vì vậy, Tòa án không thu thập được thêm chứng cứ gì của bị đơn cung cấp và không ghi được ý kiến của bị đơn đối với yêu cầu của nguyên đơn. Do bị đơn vắng mặt nên Tòa án không thực hiện được việc đối chất, hòa giải giữa nguyên đơn và bị đơn.

Tại đơn xin vắng mặt tại phiên tòa ngày 29/9/2022 của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Quản Đức N (tên khác Quản Thanh T) đã trình bày: nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến, quan điểm như trong phiên tòa phúc thẩm ngày 28/4/2021 tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Theo nội dung án phúc thẩm thì chỉ xét xử lại đối với Hợp đồng số 14/HĐXD 2013/TT-VH ngày 12/7/2013, còn các nội dung khác vẫn giữ nguyên như bản án sơ thẩm số: 77/2020/KDTM-ST ngày 17/11/2020 của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Nay đề nghị Tòa án nhân dân quận Gò Vấp xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả nợ theo Hợp đồng số 14/HĐXD 2013/TT-VH ngày 12/7/2013: cụ thể Công ty TNHH cơ khí xây dựng T thanh toán cho Công ty TNHH sản xuất chế tạo cơ khí xây dựng thương mại dịch vụ V như sau: 3.720.000.000 đ (giá trị hợp đồng) -1.000.700.000 (bị đơn đã tạm ứng) = 2.719.300.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ số tiền này từ khi hoàn công là ngày 01/9/2014 đến ngày 29/9/2022 là ngày xét xử vụ án, đề nghị Tòa án áp dụng Điều 306 của Luật thương mại năm 2005 để tính lãi nợ quá hạn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phát biểu ý kiến:

Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, tuy nhiên thông báo thụ lý cả những phần bản án sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật đối với

hợp đồng số 10/HĐXD 2013/VH-TT và hợp đồng số 09/HĐXD 2013/TT-VH là chưa chính xác.

Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: buộc Công ty TNHH cơ khí xây dựng T phải thanh toán cho Công ty TNHH sản xuất chế tạo cơ khí xây dựng thương mại dịch vụ V 2.719.300.000 đồng và lãi suất phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm xét xử sơ thẩm.

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 26 Luật thương mại 2005, Khoản 1 Điều 30, Điểm b Khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đây là tranh chấp về hợp đồng xây dựng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Toà án đã triệu tập hợp lệ bị đơn đến tham gia phiên toà vào ngày 06/9/2022 và ngày 29/9/2022 nhưng bị đơn vắng mặt. Căn cứ Khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Toà án vẫn tiến hành phiên toà theo quy định của pháp luật.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

Hội đồng xét xử thống nhất ý kiến với Đại diện Viện kiểm sát là chỉ xét tranh chấp phát sinh từ Hợp đồng xây dựng số 14/HĐXD 2013/TT-VH ngày 12/7/2013.

Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán tiền thi công và tiền lãi phát sinh từ Hợp đồng xây dựng số 14/HĐXD 2013/TT-VH ngày 12/7/2013, Hội đồng xét xử nhận thấy: Hợp đồng số 14 được ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn. Tại Điều I của hợp đồng xác định tổng giá trị là 3.720.000.000 đồng. Tại bản tự khai, đại diện bị đơn cho rằng giá trị hợp đồng là 1.572.947.589 đồng, sau đó được điều chỉnh giảm xuống còn 1.233.737.635 đồng. Tuy nhiên bị đơn không có chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở để chấp nhận. Nguyên đơn xác định đã thực hiện hoàn thành công trình. Mặc dù, nguyên đơn không xuất trình được biên bản nghiệm thu, nhật ký công trình, biên bản bàn giao công trình vào sử dụng, biên bản thanh lý hợp đồng. Tuy nhiên, tại báo cáo kiểm định chất lượng công trình xây dựng số 339/BCKĐ-14 ngày 31/7/2014 do bị đơn yêu cầu Công ty cổ phần tư vấn kiểm định xây dựng quốc tế (ICCI) lập thể hiện: công trình đã được thi công xong “ 01 tầng trệt, 01 tầng lầu, 01 tầng áp mái và tầng mái cùng công, tường bao che”. Như vậy, đơn vị kiểm định của bị đơn đã xác

nhận công trình đã được hoàn thành đủ các hạng mục. Nguyên đơn xác định đã nhận được Báo cáo kiểm định nêu trên và đã thực hiện việc sửa chữa như Báo cáo kiểm định yêu cầu. Do đó, có đủ cơ sở để xác định, nguyên đơn đã thi công hoàn thành công trình. Căn cứ Khoản 3 Điều 144 Luật xây dựng năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán tiền thi công là 2.719.300.000 đ và tiền lãi phát sinh từ số tiền này từ khi hoàn công là ngày 01/9/2014 đến ngày 29/9/2022 là ngày xét xử vụ án.

Việc bị đơn không tới Tòa án để tham gia tố tụng cũng thể hiện bị đơn từ chối nghĩa vụ chứng minh ý kiến là đã hoàn thành nghĩa vụ trả tiền thi công cho nguyên đơn tại phiên tòa phúc thẩm. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Số tiền 1.000.700.000 đồng bị đơn cho rằng đã ứng trước cho nguyên đơn cũng đã được nguyên đơn thừa nhận và chỉ yêu cầu bị đơn trả nguyên đơn số tiền 2.719.300.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ số tiền này từ khi hoàn công là ngày 01/9/2014 đến ngày 29/9/2022 là ngày xét xử vụ án.

Tại hợp đồng số 14, đôi bên thảo thuận thời hạn thi công là 120 ngày kể từ ngày ký hợp đồng 12/7/2013. Căn cứ vào báo cáo kiểm định chất lượng công trình xây dựng số 339/BCKĐ-14 ngày 31/7/2014, thể hiện chất lượng công trình chưa bảo đảm. Sau khi nhận được Báo cáo, nguyên đơn thừa nhận đã tiếp tục thi công để hoàn thành chất lượng. Như vậy, có đủ cơ sở xác định nguyên đơn đã hoàn thành công trình từ tháng 8/2014. Vì vậy, nghĩa vụ thanh toán của bị đơn phát sinh từ ngày 01/9/2014. Do không thực hiện nghĩa vụ thanh toán đúng hạn, nên theo yêu cầu của nguyên đơn thì bị đơn phải chịu tiền lãi chậm thanh toán theo Quy định của điều 306 Luật thương mại năm 2005. Tham khảo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình vào ngày 29/9/2022 của 03 ngân hàng gồm: Ngân hàng TMCP Đ, Ngân hàng TMCP Công thương V và Ngân hàng TMCP Ngoại thương V là 13,5%/năm, tương đương 1,13%/tháng (lãi suất áp dụng cho tổ chức). Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán 2.719.300.000 đ và tiền lãi phát sinh từ số tiền này từ khi hoàn công là ngày 01/9/2014 đến ngày 29/9/2022 là ngày xét xử vụ án: $2.719.300.000 \text{ đ} \times 1,13\%/\text{tháng} \times 96 \text{ tháng} \text{ (từ 1/9/2014 đến 01/9/2022)} + \text{lãi của 28 ngày (từ 02/9/2022 đến 28/9/2022)} = 2.978.576.200 \text{ đồng}$.

Tổng số tiền bị đơn phải trả nguyên đơn là 2.719.300.000 đ + 2.978.576.200 đ = 5.697.876.200 đ (năm tỷ sáu trăm chín mươi bảy triệu tám trăm bảy mươi sáu ngàn hai trăm đồng).

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 113.697.876 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 30, Điểm b Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 144 Luật xây dựng năm 2014;

Căn cứ điều 306 Luật thương mại năm 2005;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc Công ty TNHH cơ khí xây dựng T phải trả Công ty TNHH sản xuất chế tạo cơ khí xây dựng thương mại dịch vụ V số tiền nợ từ Hợp đồng xây dựng số 14/HĐXD 2013/TT-VH ngày 12/7/201 là 2.719.300.000 đồng và tiền lãi của số tiền này là 2.978.576.200 đồng; tổng cộng là 5.697.876.200 đ (năm tỷ sáu trăm chín mươi bảy triệu tám trăm bảy mươi sáu ngàn hai trăm đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 306 Luật thương mại năm 2005.

2. Về án phí: Công ty TNHH cơ khí xây dựng T phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 113.697.876 đ (một trăm mười ba triệu sáu trăm chín mươi bảy ngàn tám trăm bảy mươi sáu đồng).

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- VKSND q. GV
- THA DS q. GV;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký tên, đóng dấu)

Hoàng Thế Viễn